Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ DIỆN TÍCH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỢP TÁC DÙNG NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2032 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Nội dung	Tổng diện tích (ha)	Lúa (ha)				Mạ, màu, CCN ngắn ngày, cây vụ đông (ha)				CCN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu (ha)	Muối (ha)	Nuôi trồng thủy sản (ha)		
			Cộng DT lúa	Tưới tiêu bằng bơm điện	Tưới tiêu bằng trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Cộng DT mạ, màu, CCN ngắn ngày, CVĐ	Tưới tiêu bằng bơm điện	Tưới tiêu bằng trọng lực ảnh hưởng thủy triều	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực	Tưới tiêu trọng lực kết hợp động lực		Cộng diện tích NTTS	Biện pháp công trình không ảnh hưởng thủy triều	Trọng lực ảnh hưởng thủy triều
				Chủ động	Chủ động	Chủ động		Chủ động	Chủ động	Chủ động	Chủ động				
	Tổng diện tích	**3.010,68**	**1.551,35**	**1.154,01**	**384,86**	**12,48**	**813,93**	**467,69**	**163,56**	**182,68**	**19,30**		**626,10**	**134,50**	**491,60**
	Vụ Xuân		772,19	573,52	192,43	6,24	236,05	93,96	81,78	60,31					
	Vụ Mùa		779,16	580,49	192,43	6,24	229,76	87,67	81,78	60,31					
	Vụ Đông						348,12	286,06		62,06					
	Trong đó:														
I	**Huyện Ý Yên**	**1.708,30**	**1.154,01**	**1.154,01**			**467,69**	**467,69**					**86,60**	**86,60**	
	Vụ Xuân		573,52	573,52			93,96	93,96							
	Vụ Mùa		580,49	580,49			87,67	87,67							
	Vụ Đông		0,00				286,06	286,06							
II	**Huyện Xuân Trường**	**445,94**	**112,64**		**100,16**	**12,48**	**182,68**			**182,68**	**19,30**		**131,32**	**47,90**	**83,42**
	Vụ Xuân		56,32		50,08	6,24	60,31			60,31					
	Vụ Mùa		56,32		50,08	6,24	60,31			60,31					
	Vụ Đông		0,00				62,06			62,06					
III	**Huyện Nghĩa Hưng**	**856,44**	**284,70**		**284,70**		**163,56**		**163,56**				**408,18**		**408,18**
	Vụ Xuân		142,35		142,35		81,78		81,78						
	Vụ Mùa		142,35		142,35		81,78		81,78						
	Vụ Đông														